

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 04/04/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Côn.
2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị **Trương Thị M** - sinh năm 1980.

- Trú quán: Thôn M - xã T - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** Anh **Giáp Văn H** - Sinh năm 1985.

- Trú quán: Thôn M - xã T - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

Chị M có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Trương Thị M, của bị đơn anh Giáp Văn H và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Trương Thị M và anh Giáp Văn H kết hôn với nhau vào tháng 05 năm 2014. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị M anh H có đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện LN đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị M, anh H về chung sống cùng nhau ngay và ở tại thôn M - xã T - huyện LN - tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị M, anh H cho rằng vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Từ tháng 8/2015 đến nay chị M anh H sống ly thân với nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hg. Anh H xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị M, tuy nhiên vì chị M tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 8/2015 đến nay nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị M anh H có 01 con chung là cháu Giáp Bảo N - Sinh ngày 11/02/2015. Khi ly hôn chị M đề nghị được nuôi con chung và không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh H đồng ý để chị M nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M anh H xác nhận vợ chồng anh chị không tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên nội dung đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, về con chung chị đề nghị được nuôi con chung, công nợ tài sản chung không có không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M.

Cho chị Trương Thị M được ly hôn với anh Giáp Văn H.

Giao cho chị Trương Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Giáp Bảo N. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trương Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Giáp Văn H. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Giáp Văn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Giáp Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị M và anh Giáp Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2014 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M anh H mâu thuẫn là có thật, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M kiên quyết xin ly hôn, anh H xác định không còn tình cảm với chị M. Anh H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về mâu thuẫn giữa chị M anh H cũng như về việc mở phiên tòa xét xử mặc dù đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ nhưng anh H có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị M đối với anh Giáp Văn H. Cho chị M được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị M anh H có một con chung là: Cháu Giáp Bảo N - Sinh ngày 11/02/2015. Chị M nhận nuôi con chung, không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, anh H đồng ý. Do vậy cần giao cháu Giáp Bảo N cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M.

1. Cho chị Trương Thị M được ly hôn với anh Giáp Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Giáp Bảo N - Sinh ngày 11/02/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản anh H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003241 ngày 02/02/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện LN;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Hùng